

ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

MAI THU HẰNG*

Tóm tắt: Suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, là cơ sở để đánh giá một nền tư pháp văn minh, công bằng và nhân đạo. Việt Nam cũng đã sớm tiếp thu những tư tưởng tiên bộ và ghi nhận đây là một trong những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự. Bài viết trình bày về thực tiễn áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân.

Từ khóa: Suy đoán vô tội, tố tụng hình sự, thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên.

Ngày nhận bài: 10/02/2023; Biên tập xong: 17/02/2023; Duyệt đăng: 17/02/2023

APPLYING THE PRINCIPLE OF PRESUMPTION OF INNOCENCE IN PROSECUTION AND SUPERVISION OVER FIRST-INSTANCE TRIAL OF CRIMINAL CASES UNDER THE CRIMINAL PROCEDURE CODE

Abstract: Be one of basic principles in criminal procedure law, presumption of innocence has been the grounds for evaluating a civilized, fair and humane justice as well as widely applied in solving criminal cases. Vietnam has also early absorbed progressive thought and recognized it as one of basic principles to ensure human rights and citizen rights in criminal proceedings. Thereby, the article presents the practical application of this principle in the first-instance trial of criminal cases under the functions of the People's Procuracy.

Keywords: Presumption of innocence, criminal procedure, prosecution, trial supervision; the Procuracy; Prosecutor.

Received: Feb 10th, 2023; Editing completed: Feb 17th, 2023; Accepted for publication: Feb 17th, 2023

1. Khái niệm nguyên tắc suy đoán vô tội

Suy đoán, theo gốc Latinh (praesumptio) có nghĩa là giả định, còn suy đoán vô tội (tiếng Anh: *presumption of innocence*), thể hiện yêu cầu: Người bị buộc tội phải được coi là vô tội khi mà tội và lỗi của người đó chưa được chứng minh theo một trình tự do pháp luật quy định và được xác định bởi một bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật¹. Như vậy,

¹ Đào Trí Úc (2017), “Nguyên tắc suy đoán vô tội - nguyên tắc hiến định quan trọng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí Kiểm sát số 02/2017.

suy đoán vô tội có thể được hiểu là một sự suy đoán hay giả định của người có thẩm quyền trong tố tụng hình sự rằng, một người có hành vi phạm tội hoặc bị nghi là thực hiện hành vi phạm tội sẽ được xem là không có tội cho đến khi có đủ các căn cứ xác đáng bác bỏ được suy đoán trên – tức là chứng minh được người đó có tội². Theo Từ điển Luật học, suy đoán vô tội là

* Email: Maithuhang0803@gmail.com

Giảng viên Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Hoàng Hùng Hải (2018), “Suy đoán vô tội và kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về nguyên tắc suy đoán vô tội”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 23(375) tháng 12/2018.

một nguyên tắc cơ bản và quan trọng của tố tụng hình sự mà theo đó, bị can, bị cáo được coi là vô tội, không phải chịu trách nhiệm hình sự khi lỗi của người đó chưa được chứng minh theo trình tự luật định và chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật³.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định những nội dung có tính nguyên tắc trong xây dựng và áp dụng pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Trong đó có nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại khoản 1 Điều 31: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật”.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã quy định về nguyên tắc suy đoán vô tội với nội dung như sau: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Với quy định trên, nguyên tắc suy đoán vô tội được xác định có hai nội dung cơ bản: **Thứ nhất**, người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi tội của họ được chứng minh theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật; **Thứ**

hai, khi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội⁴.

2. Thực tiễn áp dụng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự

2.1. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê – Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao, từ năm 2018 đến năm 2022, Viện kiểm sát (VKS) các cấp đã thực hành quyền công tố (THQCT), kiểm sát xét xử sơ thẩm 317.454 vụ án hình sự/551.504 bị cáo⁵. Điều này có nghĩa là hàng năm, VKS các cấp đã THQCT, kiểm sát xét xử hàng chục nghìn vụ án hình sự, góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong những năm qua cho thấy, trong suốt quá trình THQCT trong xét xử vụ án

³ Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, NXB. Từ điển Bách Khoa - NXB Tư pháp, Hà Nội.

⁴ Mai Đắc Biên “Áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong THQCT, kiểm sát điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam”; Tạp chí quốc tế (INTERNATIONAL JOURNAL OF MULTIDISCIPLINARY RESEARCH AND ANALYSIS), Đại học Tổng hợp quốc gia Uran – Liên bang Nga; số 04, năm 2021 (tiếng Anh).

⁵ Số liệu thống kê của Cục Thống kê – Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

hình sự, Kiểm sát viên (KSV) đã luôn tuân thủ triệt để những quy định của pháp luật tố tụng hình sự, quy định của ngành Kiểm sát, trong đó, đặc biệt chú trọng áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội để bảo đảm quyền con người, quyền công dân của bị can, bị cáo.

Theo nguyên tắc suy đoán vô tội thì trong quá trình xét xử, bị cáo là người được coi là không có tội vì tội của bị cáo chưa được chứng minh đầy đủ theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trong thực tiễn xét xử, KSV luôn coi bị cáo là người không có tội để từ đó có quan điểm buộc tội, gỡ tội cũng như thái độ cư xử một cách đúng đắn. KSV khi tham gia phiên tòa luôn chấp hành đúng quy định của pháp luật, của ngành Kiểm sát nhân dân. Cử chỉ, hành động, lời nói, tư thế, tác phong, thái độ, biểu cảm của KSV luôn chuẩn mực, thể hiện hình ảnh người KSV “*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”. KSV tôn trọng bị cáo bằng việc xưng hô, thái độ lắng nghe và xem xét thấu đáo ý kiến, yêu cầu cũng như khiếu nại, tố cáo của bị cáo; không có hành động chỉ trích, miệt thị, coi thường, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Theo Quy tắc ứng xử của KSV khi THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa, phiên họp của tòa án⁶, về cách

⁶ Quy tắc ứng xử của KSV khi THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa, phiên họp của Tòa án (Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VKSTC ngày 20/02/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao).

xưng hô đối với bị cáo là cá nhân, ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố, khi tiếp xúc để tiến hành các hoạt động tố tụng với bị can, bị cáo, KSV luôn sử dụng từ “*Bị can, Bị cáo*” hoặc cùng với tên hoặc họ tên của bị cáo. Thực tiễn chưa phản ánh có trường hợp nào KSV sử dụng các từ có tính chất miệt thị bị can, bị cáo như “*Y*”, “*Thị*” hoặc “*Kẻ phạm tội*”. Khi xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, KSV luôn bình tĩnh, khách quan và tôn trọng ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, chú ý lắng nghe, ghi nhận ý kiến đúng đắn, có căn cứ, cơ sở của họ để có quan điểm buộc tội phù hợp. Trường hợp những ý kiến, đề nghị không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án thì KSV cương quyết không chấp nhận với thái độ bình tĩnh, đúng mực. Trong 05 năm qua (2018 – 2022) chưa ghi nhận, phát hiện trường hợp nào KSV bức cung, dùng nhục hình hoặc có những hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bị can, bị cáo. Đây là những điểm sáng, đáng ghi nhận về phẩm chất đạo đức của KSV trong nhiều năm qua, cũng là kết quả của quá trình nhận thức và áp dụng đúng đắn nguyên tắc suy đoán vô tội khi THQCT trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự của KSV.

Khi tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nhiệm vụ quan trọng và trọng tâm nhất của KSV là buộc tội bị cáo, tức là chứng minh sự có tội của bị cáo. Nhiệm vụ gỡ tội cho bị cáo của KSV vẫn được coi trọng nhưng không phải là mục đích cuối cùng hướng đến của KSV. Điều này không mâu thuẫn với tính đúng đắn, khách quan, toàn diện và đầy đủ trong

việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát. Bởi lẽ, VKS chỉ ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử khi quá trình điều tra, truy tố đã xác định rõ tội phạm, hành vi phạm tội của bị can cũng như các tình tiết khác của vụ án. Nếu còn nghi ngờ về chứng cứ buộc tội hoặc chứng cứ chưa được thu thập đầy đủ thì không quyết định truy tố mà quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, thu thập đầy đủ chứng cứ buộc tội và gỡ tội. Nếu trong quá trình điều tra, truy tố có đầy đủ chứng cứ chứng minh sự vô tội của người bị buộc tội thì VKS đã yêu cầu Cơ quan điều tra (CQĐT) hoặc trực tiếp ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án hoặc áp dụng tội nhẹ hơn, khung hình phạt nhẹ hơn, các tình tiết giảm nhẹ cho bị can. Do vậy, tại phiên tòa, KSV áp dụng triệt để những quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS như công bố cáo trạng, xét hỏi, luận tội, tranh luận để bảo vệ quan điểm truy tố, buộc tội của VKS. Việc gỡ tội cho bị cáo chỉ thường trong phạm vi đồng ý chuyển sang tội danh khác bằng hoặc nhẹ hơn, chấp nhận áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ, bỏ bớt tình tiết tăng nặng, giảm một phần đề nghị mức hình phạt hoặc việc xử lý vật chứng theo hướng có lợi cho bị cáo. Chỉ trong một số rất ít trường hợp, tại phiên tòa xuất hiện tình tiết mới làm thay đổi nội dung truy tố, buộc tội theo hướng có lợi cho bị cáo thì KSV rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố. Để bảo đảm việc buộc tội, KSV đã trực tiếp tham gia xét hỏi, luận tội và tranh luận. Khi xét hỏi, luận tội, tranh luận, KSV đã tập trung xét

hỏi, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm, xem xét mức độ lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, mức độ hậu quả tác hại do tội phạm gây ra; phân tích các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ của vụ án; xác định nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội; nhân thân, vai trò của bị cáo (hoặc của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm). Sau khi phân tích, đánh giá, xác định vai trò, vị trí của bị cáo thì kết luận bị cáo đã phạm tội gì (hoặc các tội gì), tội đó (hoặc các tội đó) được quy định tại điều, khoản, điểm nào của Bộ luật Hình sự. Đó cũng là việc thực hiện đúng nguyên tắc suy đoán vô tội, thể hiện sự gỡ tội cho bị cáo.

Khi THQCT tại phiên tòa, KSV đồng thời kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), người tham gia tố tụng để đảm bảo việc xét xử phải được thực hiện đúng quy định của pháp luật. KSV kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong thủ tục bắt đầu phiên tòa, thành phần HĐXX, việc thay đổi người tiến hành tố tụng, thủ tục xét hỏi, việc tranh luận, việc nghị án, tuyên án. Đồng thời, KSV kiểm sát việc chấp hành nội quy phiên tòa, quy định về xét xử của bị cáo và người tham gia tố tụng khác. Sau phiên tòa, KSV kiểm sát biên bản phiên tòa, việc bắt tạm giam hoặc trả tự do cho bị cáo, kiểm sát bản án, quyết định của HĐXX. Hoạt động kiểm sát bảo đảm cho việc xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, từ đó, bảo đảm tốt nhất

quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự, thực hiện đúng nguyên tắc suy đoán vô tội trong xét xử vụ án hình sự. Để bảo đảm việc buộc tội, kết luận về tội của bị cáo, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận, KSV kết luận bị cáo đã phạm tội gì, thuộc điều, khoản, điểm nào của Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX kết tội bị cáo theo điều, khoản, điểm đó. Những hoạt động trên của VKS các cấp thể hiện rõ nét kết quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội khi THQCT trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, một mặt bảo vệ quan điểm buộc tội của VKS, mặt khác kết luận về sự vô tội (nếu có) của bị cáo khi có căn cứ, đúng với bản chất của vụ án.

Thông qua kết quả xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự cho thấy, từ năm 2018 đến năm 2022 có 22 bị cáo bị Tòa án tuyên không phạm tội, chiếm tỉ lệ rất thấp (0,004%) trong tổng số các bị cáo được đưa ra xét xử. Như vậy, mặc dù còn tình trạng VKS truy tố, Tòa án tuyên vô tội nhưng VKS đã hạn chế tối đa tình trạng oan sai trong xử lý tội phạm, góp phần quan trọng bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự.

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự

Thứ nhất, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong trường hợp bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình tại phiên tòa

Bản chất của người phạm tội là chối tội, tìm cách che giấu, không thừa nhận

hành vi phạm tội của mình để trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình bằng nhiều hình thức, thủ đoạn khác nhau, như không chịu khai báo, khai báo quanh co, gian dối, tiêu hủy vật chứng của vụ án...; đưa ra những chứng cứ giả tạo để chứng minh sự ngoại phạm; không thừa nhận sự buộc tội của VKS tại phiên tòa v.v. Trong những trường hợp đó, KSV phải nhận thức rằng việc chối tội của bị cáo như một yếu tố khách quan trong quá trình vận động của tội phạm, từ đó có ý thức đúng đắn khi giải quyết vụ án hình sự phù hợp với nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Việc chối tội của người bị buộc tội không thể làm thay đổi bản chất của vụ án nếu như họ là người đã thực hiện tội phạm.

Do vậy, khi bị cáo chối tội, KSV không được nóng nảy, có thái độ bực tức, định kiến để từ đó phát sinh những hành vi vi phạm pháp luật như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đe dọa bị cáo. KSV cần nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá kỹ lưỡng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để tiếp tục thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can trong trường hợp cần thiết. Tại phiên tòa, để đấu tranh làm rõ tội phạm, hành vi phạm tội, KSV phải xét hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 309 BLTTHS.

Khi tranh luận, trường hợp bị cáo không thừa nhận phạm tội theo cáo trạng truy tố của VKS, kết luận trong luận tội của KSV thì KSV cần phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo, động cơ, mục đích, hậu quả thiệt hại đã gây ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; những chứng cứ xác đáng thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đủ để khẳng định hành vi của bị cáo là hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự mà VKS đã viện dẫn để truy tố⁷. Những lý do mà bị cáo, người bào chữa đưa ra để chối tội như chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mất năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự hoặc những tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự khác là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật hình sự. Trường hợp cần thiết, KSV đề nghị HĐXX trở lại phần xét hỏi để tiếp tục xét hỏi làm rõ những yêu cầu của bị cáo, người bào chữa nhằm khẳng định quan điểm buộc tội của VKS là có căn cứ và đúng pháp luật.

Thứ hai, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong trường hợp Tòa án quyết định giải quyết vụ án hình sự không có căn cứ, trái pháp luật

Quyết định, bản án sơ thẩm của Tòa án, HĐXX thể hiện kết quả của việc khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự. Do vậy, quyết định, bản án của Tòa án, HĐXX

phải đúng đắn, khách quan, công bằng, phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác. Tuy nhiên, có những trường hợp, quyết định, bản án của Tòa án, HĐXX vì nhiều lý do khác nhau đã không đúng quy định của pháp luật, không đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, gây ra tình trạng quyết định hoặc kết án oan, sai. Ví dụ, có những trường hợp quyết định, kết án oan, sai, kết án không đúng tội danh, không đúng hình phạt; buộc bồi thường trách nhiệm dân sự hoặc xử lý vật chứng không đúng đắn... Trong những trường hợp đó, để bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội, KSV phải kịp thời nghiên cứu lại một cách kỹ lưỡng hồ sơ vụ án, quyết định, bản án của Tòa án, HĐXX, những văn bản quy phạm pháp luật mà Tòa án áp dụng để báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện ban hành kiến nghị, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm nhằm khắc phục vi phạm, bảo đảm việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, bảo đảm đúng nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự, qua đó bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự.

Thứ ba, giải pháp tăng cường, đẩy mạnh đào tạo cán bộ trong ngành Kiểm sát

VKSND tối cao cần tăng cường, chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng KSV để nâng cao trình độ pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ trong THQCT, kiểm sát xét xử tại phiên tòa nói chung và kỹ năng áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội nói riêng

⁷ Mai Đắc Biên và Quách Đình Lực, “Thực tiễn bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ góc nhìn của Kiểm sát viên”, Tạp chí Nghề luật – Học viện Tư pháp, số 09/2020.

trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Mở rộng các hình thức đào tạo như mở các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên sâu theo chuyên đề xét hỏi, tranh tụng, suy đoán vô tội...; tổ chức các Hội thảo khoa học trong toàn Ngành, hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm về xét xử, áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội; tổ chức các cuộc thi KSV giỏi; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để KSV tham gia các lớp đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ... Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc mở các chương trình đào tạo, học tập kinh nghiệm, kỹ năng tranh tụng, áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội của các quốc gia có nền tư pháp tiên tiến.

KSV phải tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, kiến thức pháp luật, trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ. Khi được phân công THQCT, kiểm sát xét xử, KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, nắm chắc nội dung vụ án, các tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội, dự kiến được các tình huống tranh tụng tại phiên tòa, kịp thời phát hiện các vi phạm của Tòa án trong các bản án, quyết định để kịp thời báo cáo, đề xuất kháng nghị khắc phục vi phạm, bảo đảm việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan sai và bỏ lọt tội phạm. KSV phải tự xác định ý thức trách nhiệm của mình trước công việc được giao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, quy chế nghiệp vụ, nhận thức rõ vai trò, vị trí quan trọng của người đại diện cho Nhà nước thực hiện việc buộc tội, đề cao tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

KSV phải luôn trau dồi, giữ vững phẩm chất đạo đức của người cán bộ Kiểm sát: “*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”, theo đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ tư, giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự

Với hạn chế xuất phát từ việc nội dung được quy định tại Điều 13 BLTTHS chưa chứa đựng hết nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội theo nghiên cứu của khoa học tố tụng hình sự cũng như pháp luật quốc tế, tác giả đề xuất bổ sung vào quy định tại Điều 13 BLTTHS một nội dung “*Những nghi ngờ về tội của người bị buộc tội nếu không thể khắc phục được thì phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội*” nhằm bảo đảm đúng tinh thần, tư tưởng của nguyên tắc suy đoán vô tội, cụ thể như sau:

“Điều 13. Suy đoán vô tội

“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Những nghi ngờ về tội của người bị buộc tội nếu không thể khắc phục được thì phải giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội”./.